

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH LONG
TỈNH VINH LONG**
Bản án số: 91/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 30-11-2017
V/v tranh chấp: “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Cường.

Bà Nguyễn Thị Yến Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 378/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Văn P; Nơi cư trú: Số nhà 19/5 ấp Tân An, xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

- Bị đơn: Bà Hồ Thị Q; Nơi cư trú: Số nhà 84 Khóm 3, Phường 9, thành phố Vĩnh Long; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/9/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trương Văn P trình bày:

1. Về hôn nhân: Ông P và bà Hồ Thị Q tự tìm hiểu khoảng một năm tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 9, thị xã Vĩnh Long (nay là thành phố Vĩnh Long), tỉnh Vĩnh Long ngày 15/10/1997. Sau khi kết hôn, ông P và bà Q sống chung với gia đình cha mẹ của ông P tại ấp Tân An, xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống ở đó một thời gian khoảng 7- 8 tháng sau đó về sống ở nhà cha mẹ ruột của bà Q tại số 84 Khóm 3, Phường 9, thành phố Vĩnh Long. Đầu năm 2014 vợ chồng cất nhà ra riêng tại địa chỉ số 19/5 ấp Tân An, xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc,

đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do cha mẹ ông P có cho ông P phần đất cất nhà để vợ, chồng, con ở nhưng cuối năm 2014 bà Q bỏ nhà ra đi về nhà mẹ ruột ở, không có lời giải thích gì với ông P, trong 03 năm ông P có khuyên bà Q về ở nhưng bà Q không chịu về. Hiện vợ chồng không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng ly thân từ cuối năm 2014 cho đến nay. Xét thấy, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông P xác định không còn tình cảm gì với bà Q. Vì vậy, ông P yêu cầu xin được ly hôn với bà Hồ Thị Q.

2. Về con chung: Có 01 người con chung tên Trương Văn T, sinh ngày 02/11/1999, hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông Trương Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Trương Văn P khai không có.

Tại biên bản hòa giải ngày 03/11/2017, 13/11/2017, bị đơn Hồ Thị Q trình bày:

Bà Q xác nhận về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung giữa bà Q với ông P đúng như ông P đã trình bày. Bà Q cho rằng ông P có quan hệ với người phụ nữ khác, mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, bà Q xác định vợ chồng không còn sống chung với nhau từ tháng 9/2017 cho đến nay. Đối với yêu cầu xin ly hôn của ông P thì bà Q không đồng ý, do còn rất thương chồng, vợ chồng có nhà riêng nhưng do cuộc sống còn rất khó khăn không làm nổi nhà vệ sinh nên việc sinh hoạt rất khó khăn. Bà Q và ông P đều đi làm hồ, bà Q vẫn đi đi về về, có khi về nhà riêng của hai vợ chồng, có khi về nhà cha mẹ ruột của bà Q sống, do có nuôi gà vịt ở nhà cha mẹ ruột bà Q để kiếm thêm thu nhập, bà Q không bỏ nhà đi như ông P đã trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Điều 40 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn P, ông Trương Văn P được quyền ly hôn với bà Hồ Thị Q. Về án phí: Ông P chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về hôn nhân:

Ông Trương Văn P và bà Hồ Thị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân Phường 9, thị xã Vĩnh Long (nay là thành phố Vĩnh Long), tỉnh Vĩnh Long ngày 15/10/1997. Do đó, quan hệ hôn nhân của ông P và bà Q là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn. Ông P cho rằng vợ chồng ly thân từ cuối năm 2014 cho đến nay, còn bà Q xác định vợ chồng ly thân từ tháng 9/2017 cho đến nay.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân của ông P và bà Q đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng không còn thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, nên yêu cầu ly hôn của ông P là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông P ly hôn với bà Q là phù hợp với quy định tại Điều 40 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986.

[3] Về con chung: Có 01 người con chung, tên Trương Văn T, sinh ngày 02/11/1999, hiện đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông P và bà Q khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn Trương Văn P chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 273, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Điều 40 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Trương Văn P và bà Hồ Thị Q.
2. Về con chung: Có 01 người con chung, tên Trương Văn T, sinh ngày 02/11/1999, hiện đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.
3. Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về nợ chung: Ông Trương Văn P và bà Hồ Thị Q khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.
5. Về án phí: Ông Trương Văn P chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002984 ngày 21/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long; ông P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát TPVL;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS TPVL;
- Lưu hồ sơ; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hồng Quan